

Mối quan hệ giữa Sơn Tinh - Thần Núi tự nhiên và Sơn Tinh - Nhân thần

LÊ THỊ HIỀN^(*)

Từ trước đến nay nhiều người quan niệm Sơn Tinh chỉ là nhân thần. Nhưng một số nhà khoa học nhận định, Sơn Tinh còn là Thần Núi tự nhiên nữa. Vậy Sơn Tinh chỉ là nhân thần hay còn là Thần Núi tự nhiên? Bài viết này xin bàn về vấn đề trên.

I. SƠN TINH - NHÂN THẦN VÀ SỰ THỜ PHỤNG

Sơn Tinh nhân thần có những đặc điểm chung với các vị nhân thần khác như: có tên họ người, hành trạng, tiểu sử, công tích. Về việc phụng thờ có: sắc phong, đọc tiểu sử (văn tế), dâng cúng lễ vật, tế, rước, tổ chức hội. Nơi thờ thần có: di tích vật thể như đền, miếu, bàn thờ, bài vị, ngai, kiệu, tượng, v.v...

1. Tên gọi và nhân thân

Các tư liệu cổ, đặc biệt là văn bản thần tích đều ghi rõ lí lịch của vị thần này. Sơn Tinh có tên là Nguyễn Tuấn, được sinh ra ở động Lăng Xương⁽¹⁾ vào ngày rằm tháng Giêng năm Đinh Tỵ. Bố của ông là Nguyễn Cao Hành, mẹ là Đinh Thị Đen/hoặc Diên, mẹ nuôi là Ma Thị và hai người em con chú là Nguyễn Sùng và Nguyễn Hiến. Ông có một gia tài lớn do mẹ nuôi viết di chúc để lại. Sơn Tinh thi tài với Thủy Tinh, lấy Mị Nương, chống lụt, đánh Thục Phán, khuyên vua Hùng nhường ngôi cho Thục Phán rồi cùng vua và công chúa đi vào cõi hoá sinh bất tử.

2. Công trạng

Tổng hợp tư liệu về truyện kể dân gian, thần tích và lễ hội, chúng ta thấy Sơn Tinh - Nguyễn Tuấn là người có nhiều công trạng:

- *Chống lũ lụt*: Công trạng này chiếm vị trí quan trọng. Chúng tôi đã liệt kê được 56 truyện kể về Sơn Tinh. Trong số đó có 21 truyện có đề tài chống lũ lụt chiếm 37%. Đây là sự nghiệp lớn nhằm cứu vãn người, đồng ruộng, tài sản... khỏi bị nhấn chìm trong dòng nước. Tình trạng lũ lụt hàng năm thường diễn ra, đe dọa đời sống của dân cư đồng bằng Bắc Bộ. Nhiệm vụ này của Sơn Tinh đã được khẳng định từ các tài liệu cổ như *Việt Điện U Linh*, *Đại Việt Sử kí Toàn thư* và *Lĩnh Nam Chích quái*. Về sau, nhiều nhà khoa học như Hoàng Thiếu Sơn, Đinh Gia Khánh, Cao Huy Đình, Nguyễn Xuân Kính... đã khẳng định lại công lao của Sơn Tinh trong việc chống lũ lụt.

- Hoàng Thiếu Sơn nhận định: “Cái nhân, cái cốt thực sự của huyền tích Sơn Tinh không phải là thù hận vì tình giữa hai ông thần, mà là đấu tranh của người Lạc Việt chống lũ lụt của sông ngòi”⁽²⁾.

*. TS., Đại học Văn hoá Hà Nội.

1. Thuộc xã Trung Nghĩa, huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ.

2. “Ba Vì nhìn về mặt địa lí” trong sách *Sơn Tinh và vùng văn hoá cổ Ba Vì*, Sở Văn hoá thông tin Hà Tây xuất bản năm 1997, tr. 20.

- Đinh Gia Khánh: "Truyện dân gian cho thấy Sơn Tinh có thành tích về nhiều mặt: đánh giặc ngoại xâm, chữa bệnh, dạy dân làm ăn. Nhưng nổi bật hơn cả vẫn là sự nghiệp lay trời động đất của Sơn Tinh trong việc chống lũ lụt bảo vệ ruộng đồng. Sơn Tinh trước hết là sức mạnh chống lũ lụt"⁽³⁾.

- Cao Huy Đình: "Chúng ta lại thấy bóng dáng và tầm vóc của người khổng lồ đào sông, xây núi, sừng sững trên đất nước mênh mông, bung ngang những dòng lũ lớn từ Tây Bắc đổ xuống và dồn tất cả những trái núi to nhất đến vùng Hà Tây, Thanh Thủy ngày nay để buộc sông Đà và sông Hồng bớt lồng lộn và giận dữ đi mà ngoan ngoãn chảy về xuôi."⁽⁴⁾

- Nguyễn Xuân Kính: "... chúng tôi vẫn nghiêng về cách hiểu truyện Sơn Tinh Thủy Tinh là bài ca, ca ngợi công cuộc trị thủy, chống bão lũ của ông cha ta. Trí thông minh và tri thức giúp nhà khoa học bóc các tầng ý nghĩa, các lớp văn hóa, nhưng, trước một thực tế hiển nhiên đã đi vào tâm thức dân chúng nhiều thế kỉ qua thì cũng không thể không xét đến"⁽⁵⁾.

Công trạng chống lũ lụt được gắn liền với cuộc hôn nhân giữa Sơn Tinh với Mị Nương và các cuộc đánh nhau giữa Sơn Tinh và Thủy Tinh để giành năng công chúa này.

Tóm lại, đề tài chống lũ lụt được nhấn mạnh vì lũ lụt là một mối đe dọa khủng khiếp, thường xuyên xảy ra đối với nhân dân vùng trung du và đồng bằng Bắc Bộ. Sơn Tinh còn là nhân vật khổng lồ anh hùng chống lũ lụt có tầm vóc vũ trụ, dời núi lấp sông, tương tự như bà Nữ Oa "đội đá vá trời".

- *Khai sáng văn hoá* (21% truyện kể): Sơn Tinh đã có công dạy dân làm ra lửa, gieo trồng lúa, săn bắt với lưới và bẫy,

đánh cá, kéo vó, nghề mộc... và các sinh hoạt văn nghệ.

- *Công trạng về chiến tranh* (21% truyện kể): Sơn Tinh đã tiến hành hai loại chiến tranh, chiến tranh Hùng -Thục và chiến tranh chống lại Thủy Tinh.

Về chiến tranh Hùng - Thục: Nhiều người cho đó là chiến tranh chống giặc ngoại xâm. Đối chiếu với thực tế lịch sử - xã hội nước ta thời mở đầu dựng nước, đây là cuộc chiến tranh nội bộ giữa hai bộ tộc Âu Việt và Lạc Việt, tiến tới thành lập liên minh Âu Lạc. Kết quả của sự liên minh này được kể lại bằng tình tiết vua Hùng nhường ngôi cho Thục Phán. Đây là nhu cầu cấp thiết của lịch sử đương thời: "Đối với đất Việt – phương Nam thời đó, *chống ngoại xâm* là một nhu cầu cấp bách hơn trước. Trong những điều kiện ấy, sự tồn tại riêng lẻ của một bộ tộc (Văn Lang, Lạc Việt) không đủ sức để ứng phó với tình thế nữa. Trên nền tảng kinh tế đã phát triển hơn trước và do nhu cầu chống ngoại xâm *sự hợp nhất giữa những bộ lạc gần nhau nhất về địa vực, về dòng máu, về trình độ phát triển kinh tế văn hóa, là một nhu cầu lịch sử tất yếu, khách quan*. Đó là cơ sở của sự hợp nhất giữa hai bộ tộc Lạc Việt và Âu Việt và sự ra đời của *nước Âu Lạc*"⁽⁶⁾.

Về chiến tranh với Thủy Tinh, có thể gọi là chiến tranh *tranh chấp tình duyên* (theo cách nói của Cao Huy Đình) hay *chiến tranh cướp đàn bà* (theo cách nói của Ăngghen).

3. *Trên đường tìm hiểu văn hoá dân gian*, Nxb. Khoa học Xã hội, Hà Nội 1989, tr. 10.

4. *Tìm hiểu tiến trình văn học dân gian Việt Nam*, Nxb. KHXH, Hà Nội 1976, tr. 26 - 27.

5. "Truyện "Sơn Tinh Thủy Tinh" dưới mắt các nhà nghiên cứu", trong *Sơn Tinh và vùng văn hoá cổ Ba Vì*, Sở Văn hoá thông tin Hà Tây xuất bản, 1997, tr. 56.

6. Ủy ban Khoa học Xã hội Việt Nam. *Lịch sử Việt Nam* tập 1, Nxb. Khoa học Xã hội, Hà Nội, 1971, tr. 67-68.

Nguyễn Tấn Đắc cho đây là công trạng chủ yếu của Sơn Tinh: “Truyện Sơn Tinh - Thủy Tinh chủ yếu là nói về một hiện tượng xã hội hơn là thiên nhiên, và những trận lụt hàng năm chỉ là hình tượng tự nhiên hóa của một hiện tượng xã hội có thật trong thời cổ: những cuộc đánh nhau để cướp đoạt tranh giành đàn bà”⁽⁷⁾.

Ngoài ba công trạng trên Sơn Tinh còn có công trạng chống hạn (16% truyện kể).

3. Việc phụng thờ

Việc phụng thờ Sơn Tinh có ở rất nhiều nơi, riêng ở Hà Tây đã có 161 di tích⁽⁸⁾. Các hình thức tế, lễ, rước, đặc biệt là lễ vật dâng cúng rất đa dạng, phong phú. Có thể khái quát lại như sau:

- *Khấn và đọc văn tế*: Đọc văn tế là một hình thức nhắc lại công trạng của Sơn Tinh trong một không khí trang nghiêm, trong đó đặc biệt nhấn mạnh sắc phong với những mỹ hiệu tôn vinh như: “Long Huân Phổ Trạch Hoàng Hi Tuy Linh Hạo Sảng Thượng Đẳng Thần hộ quốc tể dân nắm trụ linh ứng” (sắc phong Sơn Thánh). Có những lễ hội, ngay ở phần tế lễ đã có những hành động nhằm nhắc lại công tích của Sơn Tinh. Trong lễ hội đền Mãng Sơn (xã Sơn Đông, thị xã Sơn Tây), ông chủ tế thay mặt cộng đồng diễn lại nghi thức dân làng hưởng lộc do Đức Thánh Tản sẵn bắt được.

Nhìn chung, lễ tế được thực hiện theo thủ tục như mọi cuộc tế lễ khác, mô phỏng triều nghi phong kiến.

- *Dâng cúng*: Có nhiều lễ vật. Ngoài những lễ vật thông thường như thịt gà, thịt lợn, xôi, rượu, v.v... còn có cá. Trong lễ hội đền Và, lễ vật dâng cúng có 99 con cá được chuẩn bị thành nhiều món. Các món ăn này đều do Thánh Tản đã dạy cách chế biến. Ngoài ra còn có 9 con cá chép sống được thả trong bể bằng thủy

tinh. Lễ vật này nhắc đến công lao của thần trong việc dạy dân đánh cá, và chế biến cá. Các vật thờ có quang gánh, sọt, liềm, nhằm nhắc lại công lao dạy dân sáng chế công cụ lao động thô sơ.

- *Rước*: Trong các lễ rước, đặc biệt có rước từ đền Và (xã Trung Hưng, thị xã Sơn Tây) qua sông sang đền Dội (xã Vĩnh Ninh, huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc) và có tục rước nước ở sông Hồng về để làm lễ mộc dục.

- *Hội*: Phần hội, ngoài những hoạt động thông thường như đánh đu, đánh cờ, đấu vật có tục đánh cá thờ (trong lễ hội đền Và và một số nơi khác nữa), đánh phết (trong lễ hội đền Thính, xã Tam Hồng, huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc). Những hành động này một lần nữa nhắc lại công tích của Sơn Thánh trong việc dạy dân đánh cá, đánh phết luyện quân.

- *Di tích*: di tích vật thể về nơi thờ tự Sơn Thánh khá phong phú. ở Hà Tây có 121 điểm thờ, có những nơi di tích đơn sơ, nhưng cũng có nơi di tích lớn, kiến trúc đẹp (đền Và, xã Trung Hưng, thị xã Sơn Tây, đình Tây Đằng, thị trấn Tây Đằng, đền Mãng Sơn, xã Sơn Đông thị xã Sơn Tây...). Những nơi này có đình đền với bái đường, hậu cung, lầu chuông, gác trống...; có kiệu, ngai, ngựa, voi, bát bửu... Bàn thờ có hương án, bài vị, tượng...

Chúng tôi đã trình bày tóm tắt đặc điểm của lớp tín ngưỡng Sơn Thánh bao gồm: tên gọi, nhân thân, công trạng; việc phụng thờ có: sắc phong, lễ vật dâng cúng, tế, rước, hội, di tích vật thể... Có thể nhận định rằng Sơn Thánh là một vị

7. Nguyễn Tấn Đắc. “Đọc lại truyện Sơn Tinh - Thủy Tinh”, Tạp chí Văn hoá dân gian số 3-4/1988, tr. 56.

8. Nguyễn Hữu Thức. Văn học dân gian Hà Tây và việc chấn hưng văn hoá địa phương, Luận án phó tiến sĩ Khoa học ngữ văn, trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, 1996, tr. 167.

nhân thần trong hệ thống tín ngưỡng Thành hoàng Việt Nam. Và đây là lớp tín ngưỡng bao trùm biểu lộ trên bề mặt và là hiện tượng phổ biến của việc phụng thờ Sơn Tinh.

Tuy nhiên, một số nhà khoa học nhận định rằng, dưới lớp tín ngưỡng nhân thần lộ diện, có một lớp tín ngưỡng nền tảng và gốc rễ là Thần Núi tự nhiên.

II. SƠN TINH - THẦN NÚI TỰ NHIÊN VÀ VIỆC PHỤNG THỜ

Giáo sư Trần Quốc Vượng đã nhận định lớp Sơn Tinh nhân thần vừa nêu là những diện mạo về sau đã được lịch sử hoá và thời đại hoá: “Diện mạo Sơn Tinh, vị thần “con rể vua Hùng”, vị thần chiến thắng lũ lụt Thủy Tinh, vị thần chiến tranh chống Thục, vị thần khuyến vua Hùng nhường ngôi cho vua Thục và lên núi “dưỡng nhàn”... là những diện mạo về sau, đã được lịch sử hoá và thời đại hoá”⁽⁹⁾. Và ông còn cho rằng “...luận điểm chung của hai chúng tôi (cả GS. Từ Chi) là: Thánh Tản/Đản Ba Vi là vị Thần Núi tự nhiên của người Việt cổ (Việt Mường chung)”⁽¹⁰⁾.

Vì vậy cho nên muốn tìm thấy dung mạo tương đối nguyên thủy của đức Thánh Tản Viên phải tìm về vùng Mường: “Muốn tìm thấy dung mạo tương đối nguyên thủy của Đức Thánh Tản Viên, ai trong chúng ta cũng thấy cần đào xuống lớp trầm tích văn hoá Bua Pa Ví của người Mường, ít chịu ảnh hưởng Hoa Hạ Đạo giáo hơn”⁽¹¹⁾.

Giáo sư Ngô Đức Thịnh cũng đưa ra giả thiết Tản Viên ban đầu là Thần Núi: “Tôi ngờ rằng, ban đầu Tản Viên thần cũng giống như bao vị thần Núi (Sơn Thần) khác nằm trong hệ thống tín ngưỡng phong thủy rất cổ sơ của người Việt và các tộc người khác ở nước ta”⁽¹²⁾. Còn Giáo sư Đinh Gia Khánh nói rõ hơn: “thần thoại Sơn Tinh gắn với bái vật giáo,

Sơn Tinh vốn là sản phẩm của việc thờ núi. Lúc đầu thì người ta thờ quả núi Tản Viên, về sau tiến thêm một bước, người ta quan niệm có một vị thần tách biệt với quả núi ... Vị thần ấy dần dần mang hình dáng người”⁽¹³⁾.

Vậy để hiểu biết đầy đủ về Sơn Tinh cần tìm hiểu thêm lớp tín ngưỡng Thần Núi tự nhiên. Nhưng, việc thờ cúng Thần Núi tự nhiên được thực hành như thế nào?

Tín ngưỡng thờ Thần Núi tự nhiên là loại hình tín ngưỡng bái vật cổ sơ mà hiện nay tiêu biểu và phổ biến nhất còn thấy ở các dân tộc Tây Nguyên. Người Tây Nguyên thường cúng các vị thần tự nhiên như: Thần Nước, Thần Sông, Thần Núi, Thần Cây Đa, Thần Cây Sung, Thần Đá cổng buôn, Thần Mưa, Thần Mây, Thần Gió, Thần Sấm, Thần Lúa, Thần Bến Nước, Thần Rẫy...

Ngoài những vị thần tự nhiên nói chung họ còn cúng các núi sông, suối cụ thể (có tên riêng) như Thần Suối Klu, Núi Bir, Núi Kplong, Sông Ung, Sông Drao, Núi Ju, Núi Prong... Đây là những sông núi lớn quen thuộc trong vùng.

Lời khấn của họ là những lời nói vắn với nội dung chất phác, mời thần về hưởng lễ vật dâng cúng và phù hộ cho gia đình, buôn làng được khoẻ mạnh, lúa ngô tốt, mưa đều, no đủ,... Ví dụ, lời khấn trong lễ cúng bến nước ở buôn Klang:

9. Trần Quốc Vượng. “Tổng kết hội thảo về Sơn Tinh và vùng văn hoá cổ Ba Vi”, trong *Sơn Tinh và vùng văn hoá cổ Ba Vi*, Sở Văn hoá Thông tin Hà Tây xuất bản, 1997, tr. 162.

10. Trần Quốc Vượng. “Đức Thánh Tản/Đản (Viên) Sơn Tinh trong tâm thức dân gian Việt Mường thuở xa xưa. Sđd., tr. 144.

11. Sđd., tr. 162.

12. Ngô Đức Thịnh. “Mấy ghi nhận về Thánh Tản Viên trong tín ngưỡng dân gian Việt Nam”. Sđd., tr. 61.

13. Đinh Gia Khánh chủ biên, *Văn học dân gian Việt Nam*, Nxb. Giáo dục Hà Nội, 2002, tr. 281.

*Ở Thần Nước, Thần Sông, Thần Núi
Thần Cây Đa, Thần Cây Sung, Thần
phía Đông, Thần phía Tây*

*Hôm nay chủ bến nước buôn Klang
làm lễ cúng bến nước*

*Cầu mong các thần phù hộ cho buôn
làng*

*Nguồn nước trong lành, không bao giờ cạn
Người người mạnh khoẻ*

Mùa rẫy mới, bắp lúa đầy kho

Nhà nhà no đủ.

Các lễ vật dâng cúng thường là gà lợn, nhất thiết phải có rượu cần. Địa điểm cúng không cố định, lúc ở rẫy, lúc ở bến nước, khi ở nhà có khi ở hòn đá nơi cổng buôn làng⁽¹⁴⁾.

Như vậy, có thể nhận xét rằng, việc thờ cúng các thần tự nhiên có mấy đặc điểm như sau:

- Tên thần có khi là danh từ chung cũng có khi là tên riêng của sông núi quen thuộc ở địa phương (không phải tên người).

- Lễ vật dâng cúng chủ yếu là gà, lợn, rượu cần, những lễ lớn thì thịt trâu.

- Lời khấn mộc mạc

- Địa điểm thường ở ngoài trời, không cố định, không có đền miếu.

Bây giờ xin quay trở lại vấn đề thờ cúng thần Núi - Sơn Tinh

Chúng tôi hoàn toàn tán thành gợi ý của các giáo sư Trần Quốc Vượng và Từ Chi, “đào xuống lớp trầm tích văn hoá Bua Pa Ví của người Mường” nên đã đi về thôn Khánh Chúc (thuộc xã Khánh Thượng, huyện Ba Vì tỉnh Hà Tây), thôn này ở chân núi Ba Vì và điều hiếm có là dân ở đây 100% là người Mường. Kết quả của việc khảo sát đã được công bố ở *Tạp chí Văn hoá dân gian*⁽¹⁵⁾. Những điểm chính được rút ra là:

+ Việc người Mường thờ Tản Viên Sơn Thánh là có thực và rất phổ biến ở địa phương.

+ Ở đây có mấy hình thức thờ cúng:

* Thờ riêng ở gia đình, bàn thờ là một tấm đan bằng tre gọi là *réng*

* Thờ ở gia đình phối tự với gia tiên

* Thờ ở đình làng, là Thành hoàng làng, nghi thức giống ở vùng người Kinh.

+ Thần tích về Sơn Thánh ở đình Khánh Chúc có nội dung cơ bản giống thần tích ở các đền thờ Sơn Tinh ở vùng người Kinh: có nhân thân, tên Nguyễn Tuấn, bố Nguyễn Cao Hành, mẹ Đinh Thị Đen, mẹ nuôi Ma Thị, anh em họ Nguyễn Hiên, Nguyễn Sùng,... Ngoài ra còn có sắc phong (5 bản), từ 1853 đến 1924. Hàng năm, ở đây còn tổ chức lễ hội thờ Sơn Tinh với các nghi thức như: tế, lễ, rước, v.v...

Mục đích của chúng tôi là tìm hiểu hiện tượng thờ Thần Núi mà mô hình được nghĩ đến là việc thờ Thần Núi tự nhiên ở Tây Nguyên. Tuy nhiên, ngoài các hình thức trên chúng tôi không tìm thấy dấu vết của lớp tín ngưỡng này.

Vậy, có thể nhận xét rằng, hiện trạng của việc thờ Sơn Tinh ở người Kinh là nghi thức tôn thờ nhân thần trong hệ thống Thành hoàng, không thấy lớp tín ngưỡng thờ Thần Núi tự nhiên. Còn ở vùng Mường, chủ yếu cũng là tín ngưỡng Thành Hoàng, cho đến nay chưa tìm thấy nghi thức tín ngưỡng Thần Núi tự nhiên. Việc thờ Thần Núi tự nhiên còn lại ở tên gọi của thần với niềm tin tâm linh được

14. a. Lê Trung Vũ. “Lễ thức trong đời sống cá nhân và cộng đồng”, trong *Văn hoá dân gian Ê Đê*, Ngô Đức Thịnh (chủ biên), Nxb. Dân tộc, Hà Nội, 1992.

b. Trương Bi. *Nghi lễ cổ truyền của người Ê Đê* (chưa xuất bản, được phép của tác giả cho sử dụng).

15. Lê Thị Hiên: “Việc phụng thờ thánh Đản (Vua Ba Vì) của người Mường” *Tạp chí Văn hoá dân gian* số 3 năm 2005, tr. 35-40.

lưu giữ trong đó: Tản Viên Sơn Thánh, Sơn Tinh, Thánh Tản, Tam vị Đại vương, Bua Pa Ví,...

Sau đây là bảng so sánh:

CÁC BIỂU HIỆN	THẦN NÚI TỰ NHIÊN (TỰ NHIÊN THẦN)	NHÂN THẦN
Diện mạo tên gọi	Có tên ngọn núi, thường chỉ gọi là thần núi nói chung.	Có tên gọi cụ thể, là tên người (Tuần Công, Sùng Công, Hiến Công)
Hành trạng tiểu sử	không	Có lý lịch rõ ràng: - Có quê quán - Có tên gọi, ngày tháng năm sinh, có bố, mẹ, vợ... - Có cuộc sống của người bình thường, có công lao với cộng đồng - Có những hành động phi thường
Việc phụng thờ	- Lời khấn: khấn ông thần núi nói chung, hoặc thần núi gắn với tên ngọn núi. - Dâng cúng: gà, lợn, rượu... - Tế: không - Rước: không - Hội: không - Di tích: không	- Lời khấn: đọc tiểu sử có sắc phong - Dâng cúng: nhiều lễ vật khác nhau, đặc biệt có các lễ vật gắn với hành trạng công tích của thần. - Tế: có - Rước: có, các nghi thức thường gắn với hành trạng công tích của thần - Hội: có - Di tích: có đền, miếu, bàn thờ...

Có thể thấy rằng, lớp nguyên thủy của việc phụng thờ Sơn Tinh tự nhiên thần chỉ còn lại với tên gọi Thần Núi Ba Vì, Sơn Tinh, Tam vị Đại vương... Hiện trạng, lớp thờ phụng nhân thần đã được phủ lên trên. Đối tượng phụng thờ là Tản Viên Sơn Thánh, Thánh Đản... (Nguyễn Tuấn, Nguyễn Tùng...), cũng có khi là Tam vị Đại vương (Nguyễn Tuấn, Nguyễn Sùng, Nguyễn Hiến...). Ngoài ra còn có các hoạt động như tế, lễ, rước, hội (gắn với hành trạng, công tích của thần).

Từ bảng so sánh trên có thể trả lời câu hỏi *Sơn Tinh là nhân thần* nhưng cũng là *Thần Núi tự nhiên nữa?* như sau: có hai lớp tín ngưỡng Sơn Tinh, đó là, Sơn Tinh - Thần Núi tự nhiên và Sơn Tinh - nhân thần. Mối quan hệ giữa hai lớp tín ngưỡng này là:

- Nghi thức thờ cúng Thần Núi nguyên thủy thuộc về bái vật giáo "là một hình thức tôn giáo /tín ngưỡng thờ cúng những vật được gán cho những đức tính huyền bí, có năng lực siêu nhiên, *một trong những tôn giáo sớm nhất trong xã hội nguyên thủy*"⁽¹⁶⁾. Vì ra đời từ thời xa xưa nên ngày nay tín ngưỡng Thần Núi tự nhiên chỉ còn ở các dân tộc cổ sơ như ở Tây Nguyên. Cũng vì lẽ đó lớp tín ngưỡng Thần Núi tự nhiên - Sơn Tinh trong người Việt chỉ còn lưu lại ở tên gọi và niềm tin trong tâm thức dân gian, điều này vẫn còn mãi cho đến bây giờ, như là một thứ gốc và rễ.

- Còn như việc thờ phụng Sơn Tinh hiện tồn tại, đã trình bày ở trên, là lớp thờ nhân thần, thuộc về hệ thống tín ngưỡng Thành hoàng với đầy đủ mọi nghi thức của tín ngưỡng này. Việc phụng thờ đó có tính chất bao trùm, nếu xét từng hiện tượng, và phổ biến sâu rộng nếu xét về tổng thể.

Trên đây là quy luật tất yếu thuộc quy trình chuyển hoá của tôn giáo tín ngưỡng. Mỗi hình thức tín ngưỡng có môi trường và thời kì tồn tại của nó. Khi xã hội đã biến chuyển thì lớp tín ngưỡng cũ được điều chỉnh và hoá thân vào lớp tín ngưỡng của đương thời. Lúc bấy giờ lớp sau này trở thành chủ đạo. *Lịch sử hoá và đương đại hoá không những là quy luật của tôn giáo tín ngưỡng mà còn là quy luật của nhiều sinh hoạt tinh thần - xã hội khác của con người.*

16. *Từ điển Bách khoa Việt Nam*, Tập 1, Trung tâm Từ điển Bách khoa xuất bản, Hà Nội, 1995, tr. 121.